



AAT SERVICES CO., LTD.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
kèm theo
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED

Trụ sở chính:

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - Đường Hoàng Đạo Thúy - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - TP. Hà Nội

VPGD: P1501 - 17T5 - Đường Hoàng Đạo Thúy - TP. Hà Nội

Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084

Email: info@aat.com.vn - Website: <http://www.aat.com.vn> - Tax Code: 0102283607

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center, Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

kèm theo

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	03 - 11
Báo cáo kiểm toán	12 - 13
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	14 - 47
Bảng cân đối kế toán	14-17
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	18
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	19
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	20- 47

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group là Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group (Tên cũ: Công ty Cổ phần Fikor Việt Nam) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 23 tháng 04 năm 2014.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Hoạt động phiên dịch;
- Quảng cáo;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết:
Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Giáo dục nghề nghiệp;
Chi tiết: Dạy nghề;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng);
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết:
Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị điện khác dùng trong mạch điện
Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)

Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;

- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Chi tiết:

Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;

Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;

Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;

Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;

Bán buôn sách, báo tạp chí, văn phòng phẩm;

Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;

Sản xuất dụng cụ thể dục thể thao;

- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay;

Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp đám cưới...);

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

Chi tiết: Thăm dò quặng theo phương án thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất nơi thăm dò;

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng sắt;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm

Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)

Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);

Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;
- Bán lẻ nhiên liệu động, cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng
Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào
- Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- Vận tải hàng hóa đường sắt
- Vận tải hành khách đường sắt
Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng đường sắt theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
Chi tiết: Dịch vụ xoa bóp (không bao gồm day, ấn huyệt và các dịch vụ gây chảy máu khác);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm và các dịch vụ liên quan;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dịch vụ phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất than cốc;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
Chi tiết:
Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;
Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự;
Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ phân bón, thuốc trừ sâu);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp trình máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
Chi tiết: Vệ sinh văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, cửa hàng;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
- Sản xuất xe có động cơ;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân

sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng, đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);

- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết:

Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kính thuốc);

Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ hàng hoá khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống (đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn), thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chi tiết:

Bán lẻ đồ uống có cồn;

Bán lẻ đồ uống không có cồn.

- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Xay sát và sản xuất bột thô;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động chiếu phim
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất giày dép;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
Chi tiết: Vận chuyển gỗ và lâm sản khác đến cửa rừng;
- Cưa, xẻ, bảo quản gỗ và bảo quản gỗ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
 - Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
 - Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
 - Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
 - Sản xuất rượu vang;
 - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
 - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
 - Hoạt động thể thao khác;
 - Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
 - Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;
- Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu;

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, tòa nhà Việt Úc (VAS), khu đô thị Mỹ Đình 1, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng), với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương đương 30.000.000 cổ phần.

Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Quyền biểu quyết
Công ty con		
Viện Quản lý và Phát triển châu Á	Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	59,48%
Công ty CP Pink House Việt Nam	Số 98, ngõ 178, Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Hà Nội	95%
Công ty CP Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	Số 62, ngõ 322, Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, Hà Nội	95%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Tầng 4, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	95%
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Doài, TT Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	40%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế năm 2014 là: 29.652.756.894 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là: 32.897.880.550 VND.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Đức Giang	Chủ tịch HĐQT	28/10/2010	08/01/2014
Ông Nguyễn Văn Tân	Ủy viên HĐQT	28/10/2010	08/01/2014
Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	08/01/2014	
Ông Ngô Quốc Chính	Ủy viên HĐQT	08/01/2014	
Ông Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên HĐQT	08/01/2014	
Ông Vũ Phạm Hải Đăng	Ủy viên HĐQT	08/01/2014	
Bà Đàm Thị Ngân	Ủy viên HĐQT	08/01/2014	

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng Ban kiểm soát	08/01/2014	
Ông Hồ Sĩ Bắc	Thành viên Ban kiểm soát	08/01/2014	
Bà Vũ Minh Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	08/01/2014	

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Tân	Tổng Giám đốc	12/09/2012	02/01/2014
Ông Nguyễn Tiến Đức	Tổng Giám đốc	02/01/2014	
Ông Ngô Công Chính	Phó Tổng giám đốc	02/01/2014	
Ông Nguyễn Đăng Tâm	Phó Tổng giám đốc	02/01/2014	
Bà Nguyễn Thị Chi	Kế toán trưởng	25/04/2014	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2015



FM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiên Đức

Số: .0.2.../2015/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group**

Chúng tôi, Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group được lập ngày 12 tháng 01 năm 2015 được trình bày từ trang 14 đến trang 47 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Trong kỳ, có một số giao dịch của Công ty được thực hiện bằng tiền mặt, cụ thể: các giao dịch đã được miêu tả tại Thuyết minh số 2,13 phần V và điểm (i) mục 5a phần VIII của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015

**Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán
và Tư vấn Thuế AAT
Phó Giám đốc**



Nguyễn Xuân Hòa

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0909 -2013-141-1*

Kiểm toán viên

Nguyễn Đại Hùng

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 1000-2013-141-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		157.669.160.319	90.694.170.009
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.622.440.683	85.116.376
1. Tiền	111	V.01	8.622.440.683	85.116.376
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	55.578.004.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		55.578.004.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.856.208.443	87.689.053.738
1. Phải thu khách hàng	131		90.636.933.504	59.921.321.303
2. Trả trước cho người bán	132		219.274.939	48.857.437
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	-	27.718.874.998
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		458.976.781	19.999.895
1. Hàng tồn kho	141	V.04	458.976.781	19.999.895
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.153.530.412	2.900.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		25.337.767	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		98.192.645	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.030.000.000	2.900.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		269.927.182.231	812.531.854
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		477.873.427	607.897.623
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	477.873.427	607.897.623
- Nguyên giá	222		1.453.843.637	1.542.738.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(975.970.210)	(934.841.013)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	251.352.174.909	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		211.687.600.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		40.000.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(335.425.091)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.097.133.895	204.634.231
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	18.097.133.895	204.634.231
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>427.596.342.550</u>	<u>91.506.701.863</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	(tiếp theo) Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		94.698.462.000	58.261.640.824
I. Nợ ngắn hạn	310		94.698.462.000	58.261.640.824
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	17.500.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		73.532.798.010	57.073.963.280
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.330.003.549	1.187.614.927
5. Phải trả người lao động	315		126.726.899	-
6. Chi phí phải trả	316	V.17	-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	208.933.542	62.617
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		332.897.880.550	33.245.061.039
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	332.897.880.550	33.245.061.039
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		32.897.880.550	3.245.061.039
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			427.596.342.550	91.506.701.863

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		V.24	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2015

Người lập

Vương Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chi

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG
 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	446.776.553.362	55.541.213.148
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	441.983.564	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	446.334.569.798	55.541.213.148
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	427.682.375.949	53.341.268.961
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.652.193.849	2.199.944.187
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	21.014.162.846	2.119.097.654
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	337.138.217	28.272.302
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	28.272.302
8. Chi phí bán hàng	24		889.316.124	370.928.629
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.170.403.276	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.269.499.078	3.919.780.910
11. Thu nhập khác	31		3.931.028.807	-
12. Chi phí khác	32		2.157.842.188	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.773.186.619	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.042.685.697	3.919.780.910
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	8.389.928.803	881.950.705
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>29.652.756.894</u>	<u>3.037.830.205</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			1.019,51	1.027,91

Người lập



Vương Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Chi

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2015
 Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		464.466.654.840	599.406.120
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(474.299.142.558)	(707.022.093)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.263.095.802)	(19.500.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			(28.209.685)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6.037.665.060)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		328.856.002.812	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(283.589.712.831)	(76.960.905)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.133.041.401	(232.286.563)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(265.800.000.000)	(20.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		210.221.996.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(291.687.600.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		31.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.169.886.906	222.656
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(306.095.717.094)	(20.099.777.344)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		270.000.000.000	20.100.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		107.747.299.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(90.247.299.000)	(291.013.815)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		287.500.000.000	19.808.986.185
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.537.324.307	(523.077.722)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		85.116.376	608.194.098
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	8.622.440.683	85.116.376

Người lập

Vương Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chi

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
AMD GROUP
Q. NAM TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI

Nguyễn Tiến Đức

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group (Tên cũ: Công ty Cổ phần Fikor Việt Nam) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 23 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, tòa nhà Việt Úc (VAS), khu đô thị Mỹ Đình 1, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng) với mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần tương đương 30.000.000 cổ phần.

Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Quyền biểu quyết
Công ty con		
Viện Quản lý và Phát triển châu Á	Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	59,48%
Công ty CP Pink House Việt Nam	Số 98, ngõ 178, Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Hà Nội	95%
Công ty CP Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	Số 62, ngõ 322, Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, Hà Nội	95%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Tầng 4, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	95%
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Doài, TT Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	40%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Giáo dục mầm non;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Hoạt động phiên dịch;
- Quảng cáo;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết:
 - Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Giáo dục nghề nghiệp;
Chi tiết: Dạy nghề;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông ;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng);
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết:

Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị điện khác dùng trong mạch điện)

Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)

Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;

- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Chi tiết:

- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn sách, báo tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Sản xuất dụng cụ thể dục thể thao;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay;
Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp đám cưới...);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
Chi tiết: Thăm dò quặng theo phương án thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất nơi thăm dò;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng sắt;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm
Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)
Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;
- Bán lẻ nhiên liệu động, cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng
Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo
- Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- Vận tải hàng hóa đường sắt
- Vận tải hành khách đường sắt
Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng đường sắt theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao);
Chi tiết: Dịch vụ xoa bóp (không bao gồm day, ấn huyệt và các dịch vụ gây chảy máu khác);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm và các dịch vụ liên quan;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Dịch vụ phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Sản xuất than cốc;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu
Chi tiết:
Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;
Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự;
Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ phân bón, thuốc trừ sâu);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp trình máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
Chi tiết: Vệ sinh văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, cửa hàng;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
- Sản xuất xe có động cơ;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng, đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết:
Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;
Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;
Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kính thuốc);

- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hoá khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống (đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn), thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết:
 - Bán lẻ đồ uống có cồn;
 - Bán lẻ đồ uống không có cồn.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Xay sát và sản xuất bột thô;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động chiếu phim
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất giày dép;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
Chi tiết: Vận chuyển gỗ và lâm sản khác đến cửa rừng;
- Cưa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất rượu vang;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Hoạt động thể thao khác;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;

- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu;

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25/4/2014. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-55 năm
- Máy móc, thiết bị	03-08 năm
- Phương tiện vận tải	05-06 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí đầu tư, cải tạo công trình trên đất;

- Chi phí trả trước dài hạn khác.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở để xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trên cơ sở có quyết toán khối lượng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

16. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

c) Công cụ vốn chủ sở hữu

d) Bù trừ các công cụ tài chính

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa bao gồm: điện tử điện lạnh, thép, bán hàng tiêu dùng siêu thị;
- Lĩnh vực tư vấn: tư vấn quản lý.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ phân bố ở khu vực Hà Nội nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.602.553.609	73.831.869
Tiền gửi ngân hàng	7.019.887.074	11.284.507
- Ngân hàng Quân Đội - Sở Giao Dịch 1	272.907.839	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hàng Đậu	2.883.932	2.881.450
- Ngân hàng Tiên Phong - CN Hà Thành	1.018.788	-
- Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn	13.332.552	8.403.057
- Ngân Hàng BIDV - CN Thanh Xuân	1.076.888	-
- Ngân hàng Tiên Phong	1.153.694	-
- Ngân hàng BIDV - CN Tây Hà Nội	6.581.600.922	-
- Ngân hàng BIDV - CN Thăng Long	129.574.532	-
- Ngân hàng Viettinbank CN Tây Hà Nội	16.337.927	-
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	8.622.440.683	85.116.376
2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	55.578.004.000	-
Cộng	55.578.004.000	-
(*) Xem thuyết minh chi tiết ở mục thuyết minh thông tin về các bên liên quan.		
3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác	-	27.718.874.998
+ Bà Dương Thị Bích Hạnh	-	3.316.250.000
+ Ông Nguyễn Quốc Trường	-	2.763.541.666
+ Bà Nguyễn Thị Hòa	-	663.250.000
+ Bà Nguyễn Thị Mai	-	2.210.833.333
+ Ông Nguyễn Văn Hương	-	552.708.333
+ Ông Nguyễn Đức Giang	-	18.212.291.666
Cộng	-	27.718.874.998
4 . HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	-	-
Hàng hóa	458.976.781	19.999.895
Cộng	458.976.781	19.999.895
5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC		
6 . PHẢI THU DÀI HẠN NỘI BỘ		
7 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC		
9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH		

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP
Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, P. Cầu Diễn, Q.
Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Đơn vị tính: VND

3. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ			1.365.661.819	177.076.817		1.542.738.636
Tăng trong kỳ				88.181.818		88.181.818
- Mua trong kỳ				88.181.818		88.181.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ				177.076.817		177.076.817
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác				177.076.817		177.076.817
Số dư cuối kỳ			1.365.661.819	88.181.818		1.453.843.637
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ			757.764.196	177.076.817		934.841.013
Tăng trong kỳ			185.137.836	33.068.178		218.206.014
- Số khấu hao trong kỳ			185.137.836	33.068.178		218.206.014
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ				177.076.817		177.076.817
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Giảm khác				177.076.817		177.076.817
Số dư cuối kỳ			942.902.032	33.068.178		975.970.210
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ			607.897.623	-		607.897.623
2. Tại ngày cuối kỳ			422.759.787	55.113.640		477.873.427

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH
11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG
12 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ
13 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty con		211.687.600.000		
- Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (*)		178.437.600.000		
- Công ty CP Pink House Việt Nam	1.425.000	14.250.000.000		
- Công ty CP Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	950.000	9.500.000.000		
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	950.000	9.500.000.000		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4.000.000	40.000.000.000		
- Công ty Cổ phần Decohouse (**)	4.000.000	40.000.000.000		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(335.425.091)		

(*) Mua phần vốn góp của Viện Quản lý và Phát triển châu Á theo Nghị quyết số 01/2014/ĐHĐCĐ - NQ của Đại hội đồng cổ đông ngày 08/01/2014 và hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 20/02/2014 giữa Công ty CP Fikor Việt Nam và ông Chee Fong Yuen.

Giá gốc: 20.843.760.000 VND

Giá mua: 208.437.600.000 VND

(**) Mua cổ phần của Công ty CP Decohouse theo Nghị quyết của HĐQT ngày 08/01/2014 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 28/02/2014 giữa Công ty CP Fikor Việt Nam (nay là AMD Group) và bà Dương Thị Bích Hạnh.

Giá gốc: 50.000.000.000. Tương đương 5.000.000 cổ phần. Mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần

Giá mua: 50.000.000.000 VND

Đã bán 1.000.000 cổ phần

Các nghiệp vụ nhận chuyển nhượng vốn góp và mua cổ phần nêu trên đều đã được Công ty CP Fikor Việt Nam (nay là AMD Group) thanh toán bằng tiền mặt tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết quan trọng

Tên công ty	Mối quan hệ	Vốn điều lệ	Vốn góp đến 31/12/2014	Tỷ lệ góp
a. Đầu tư vào công ty con			51.093.760.000	
- Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (*)	Công ty con	30.000.000.000	17.843.760.000	59,48%
- Công ty CP Pink House Việt Nam	Công ty con	15.000.000.000	14.250.000.000	95%
- Công ty CP Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	Công ty con	10.000.000.000	9.500.000.000	95%
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Công ty con	10.000.000.000	9.500.000.000	95%
b. Đầu tư vào Công ty LD, liên kết			40.000.000.000	
Công ty CP Decohouse	Công ty liên kết	100.000.000.000	40.000.000.000	40%

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí đầu tư, cải tạo khu đất, công trình trên đất (*)
Chi phí trả trước dài hạn khác
Cộng

Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
18.000.000.002	
97.133.893	204.634.231
18.097.133.895	204.634.231

(*) Chi phí đầu tư, cải tạo khu đất, công trình trên đất của trung tâm thương mại EbestMall theo hợp đồng số 0805/2014/HTKD-AMD ngày 01/04/2014. Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group và Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng ý cùng hợp tác kinh doanh để khai thác thương mại Công trình và tài sản trên đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê nhà xưởng số 68/2011/HĐT/NX là 7 năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 01/04/2014. Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đóng góp bằng quyền khai thác đất, công trình, tài sản trên đất, Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group đóng góp bằng chi phí đầu tư, cải tạo tương đương 22.000.000.000 VND (bao gồm thuế GTGT).

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group được hưởng một khoản lợi nhuận cố định hàng năm là 5 tỷ đồng, áp dụng trong 5 năm đầu. Kể từ năm thứ sáu trở đi, khoản lợi nhuận cố định này sẽ được các bên thống nhất điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

Tổng chi phí đầu tư là 20 tỷ đồng, AMD phân bổ đều trong thời gian đầu tư (7 năm 6 tháng kể từ ngày 01/04/2014). Tổng chi phí đã phân bổ trong kỳ: 1.999.999.998 đồng.

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn
- Vay ngắn hạn ngân hàng
- Vay đối tượng khác (**)
Nợ dài hạn đến hạn trả
Cộng

Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
17.500.000.000	-
-	-
17.500.000.000	-
-	-
17.500.000.000	-

(**) Là khoản vay của Công ty CP Decohouse, theo hợp đồng số 03/2014/HĐVM - DECOHOUSE, ngày 11 tháng 03 năm 2014 và phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐ ngày 11/09/2014 gia hạn thời hạn trả nợ vay đến 10/03/2015.

Mục đích: Vay vốn kinh doanh. Lãi suất 0%. Thời hạn vay 06 tháng.

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng
Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế thu nhập cá nhân

Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
-	266.662.561
3.319.868.251	920.952.366
10.135.298	-
3.330.003.549	1.187.614.927

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

Các khoản phải trả, phải nộp khác
Cộng

Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
208.933.542	62.617
208.933.542	62.617

19 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ

20 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

21 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP
Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	9.900.000.000					207.614.754	10.107.614.754
Tặng vốn năm trước	20.100.000.000					3.037.830.205	23.137.830.205
Lãi trong năm trước							-
Tặng khác							-
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác						383.920	383.920
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	-	-	-	-	3.245.061.039	33.245.061.039
Tăng vốn trong kỳ	270.000.000.000						270.000.000.000
Lãi trong kỳ						29.652.756.894	29.652.756.894
Tặng khác						62.617	62.617
Giảm vốn trong kỳ							-
Lỗ trong kỳ							-
Giảm khác							-
Số dư cuối kỳ	300.000.000.000	-	-	-	-	32.897.880.550	332.897.880.550

22.2 Chi tiết vốn pháp định đã góp	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Vốn góp của Nhà nước			-
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	300.000.000.000	30.000.000.000
		300.000.000.000	30.000.000.000

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	30.000.000.000	9.900.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	270.000.000.000	20.100.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

22.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

22.5 Các quỹ của doanh nghiệp

22.6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.652.756.894	3.037.830.205
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29.085.205	2.955.333
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.019,51	1.027,91

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

23 . NGUỒN KINH PHÍ

24 . TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	442.983.826.088	54.025.756.785
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.792.727.274	
Doanh thu hoạt động xây lắp	-	1.515.456.363
Cộng	446.776.553.362	55.541.213.148

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	441.983.564	-
Cộng	441.983.564	-

27 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	442.541.842.524	54.025.756.785
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.792.727.274	-
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	-	1.515.456.363
Cộng	446.334.569.798	55.541.213.148

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm	426.838.862.614	51.687.921.266
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	843.513.335	-
Giá vốn của hoạt động xây lắp	-	1.653.347.695
Cộng	427.682.375.949	53.341.268.961

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	10.324.586.906	2.119.097.654
Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	10.600.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.519.329	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	35.056.611	-
Cộng	21.014.162.846	2.119.097.654

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi vay	-	28.272.302
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.713.126	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	335.425.091	-
Cộng	337.138.217	28.272.302

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.042.685.697	3.919.780.910
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	93.354.320	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	147.873.649	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	54.519.329	-
Tổng thu nhập chịu thuế	38.136.040.017	3.919.780.910
Thu suất thuế TNDN	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.389.928.803	881.950.705
Lợi nhuận kế toán sau thuế	29.652.756.894	3.037.830.205

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

33 . CHI PHÍ QUẢN LÝ, BÁN HÀNG THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	142.971.905	137.520.854
Chi phí nhân viên quản lý, bán hàng	1.915.354.425	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.206.014	225.273.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.363.682	-
Chi phí khác bằng tiền	283.823.374	8.194.763
Cộng	3.059.719.400	370.988.629

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

3. Báo cáo bộ phận**3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

	Điện tử, điện lạnh	Thép	Hàng tiêu dùng siêu thị	Hoạt động Xây lắp	Dịch vụ tư vấn	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
Năm nay	134.985.911.850	195.667.900.443	111.888.030.231		3.792.727.274		446.334.569.798
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	134.985.911.850	195.667.900.443	111.888.030.231		3.792.727.274		446.334.569.798
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	12.116.712.061	213.409.184	3.372.858.665		2.949.213.939		18.652.193.849
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ							3.059.719.400
Kết quả kinh doanh thuần theo bộ phận							15.592.474.449
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							21.014.162.846
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							337.138.217
Doanh thu hoạt động tài chính							3.931.028.807
Chi phí tài chính							2.157.842.188
Thu nhập khác							8.389.928.803
Chi phí khác							-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							29.652.756.894
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							2.329.162.350
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)							335.425.091

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

3. Báo cáo bộ phận**3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Điện tử, Điện lạnh	Thép	Hàng tiêu dùng siêu thị	Hoạt động Xây lắp	Dịch vụ tư vấn	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
Năm trước							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài			54.025.756.785	1.515.456.363		-	1.515.456.363
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			-	-		-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ			54.025.756.785	1.515.456.363		-	1.515.456.363
Kết quả kinh doanh thuần theo bộ phận			2.337.835.519	(137.891.332)		-	2.199.944.187
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							370.988.629
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							1.828.955.558
Doanh thu hoạt động tài chính							2.119.097.654
Chi phí tài chính							28.272.302
Thu nhập khác							-
Chi phí khác							-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							881.950.705
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							3.037.830.205
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>							
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>							<i>225.373.010</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>							

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

3. Báo cáo bộ phận**3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Điện tử, điện lạnh	Thép	Hàng tiêu dùng siêu thị	Hoạt động Xây lắp	Dịch vụ tư vấn	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
Số cuối năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	16.677.865.940		24.626.718.213		1.070.000.000	-	42.374.584.153
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							385.221.758.397
Tổng tài sản							427.596.342.550
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận							73.518.054.010
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	17.600.600.000	48.788.731.008	7.128.723.002			-	21.180.407.990
Tổng nợ phải trả							94.698.462.000
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận					492.988.840		59.921.321.303
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	59.428.332.463						31.585.380.560
Tổng tài sản							91.506.701.863
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận							57.073.963.280
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	57.073.963.280						1.187.677.544
Tổng nợ phải trả							58.261.640.824

4. Công cụ tài chính

a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	7.019.887.074	11.284.507
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	306.930.178.909	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.636.933.504	87.640.196.301
	<u>404.586.999.487</u>	<u>87.651.480.808</u>

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài sản tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	17.500.000.000	-	17.500.000.000
Phải trả người bán	73.532.798.010	-	73.532.798.010
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	208.933.542	-	208.933.542
Số đầu năm			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	57.073.963.280	-	57.073.963.280
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	62.617	-	62.617

d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

e. Giá trị hợp lý

- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	8.622.440.683	8.622.440.683	85.116.376	85.116.376	
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.636.933.504	(*)	87.640.196.301	(*)	
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	55.578.004.000	(*)	-	(*)	
	251.687.600.000	(*)	-	(*)	
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:					
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu					
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:					
- Vay ngắn hạn	(17.500.000.000)	(17.500.000.000)	-	-	
- Phải trả người bán và phải trả khác	(73.741.731.552)	(73.741.731.552)	(57.074.025.897)	(57.074.025.897)	
- Vay dài hạn					
	315.283.246.635	(*)	30.651.286.780	(*)	

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

5. Thông tin về các bên liên quan

a) Giao dịch với các bên liên quan

Đơn vị tính: VND

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2014 bao gồm:

(i) Giao dịch cho vay và thu lãi tiền vay (một số giao dịch thực hiện bằng tiền mặt)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Duong Thị Bích Hạnh	Vợ ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HĐQT	Cho vay vốn theo hợp đồng số 02/2014/ HĐVM - FIKOR ngày 15/01/2014	39.000.000.000
		Lãi cho vay	574.750.000
Nguyễn Thị Mai	Em gái ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HĐQT	Cho vay vốn theo hợp đồng số 07/2014/ HĐVM - FIKOR ngày 15/01/2014	39.000.000.000
		Lãi cho vay	565.166.666
Nguyễn Thị Hòa	Mẹ ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HĐQT	Cho vay vốn theo hợp đồng số 06/2014/ HĐVM - FIKOR ngày 15/01/2014	37.600.000.000
		Lãi cho vay	532.150.000
Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên HĐQT	Cho vay vốn theo hợp đồng số 05/2014/ HĐVM - FIKOR ngày 15/01/2014	22.500.000.000
		Lãi cho vay	338.958.333
Phạm Đức Giang	Ủy viên HĐQT	Cho vay vốn theo hợp đồng số 01/2014/ HĐVM - FIKOR ngày 15/01/2014	69.000.000.000
		Cho vay vốn theo quyết định số 08/2014/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2014	16.000.000.000
		Cho vay vốn theo hợp đồng số 17/2014/HĐVM-AMD ngày 06/08/2014	14.000.000.000
		Cho vay vốn theo hợp đồng số 24/2014/HĐVM-AMD ngày 29/09/2014	38.000.000.000
		Lãi cho vay	2.654.075.000
Ngô Công Chính	Ủy viên HĐQT	Cho vay vốn theo hợp đồng số 03/2014/ HĐVM - FIKOR ngày 15/01/2014	2.000.000.000
		Lãi cho vay	28.000.000
Nguyễn Ngọc Diệp	Em gái ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HĐQT	Cho vay vốn theo hợp đồng số 04/2014/ HĐVM - FIKOR ngày 15/01/2014	37.000.000.000
		Lãi cho vay	518.000.000

		Cho vay vốn theo hợp đồng số 07/2014/HĐVM - FIKOR ngày 16/01/2014	36.500.000.000
Nguyễn Văn Hương	Cổ đông	Cho vay vốn theo quyết định số 08/2014/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2014	14.000.000.000
		Cho vay vốn theo hợp đồng số 18/2014/HĐVM-AMD ngày 01/08/2014	13.000.000.000
		Lãi cho vay	1.226.991.666
Nguyễn Văn Nam	Cổ đông	Cho vay vốn theo quyết định số 08/2014/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2014	12.000.000.000
		Cho vay vốn theo hợp đồng số 19/2014/HĐVM-AMD ngày 05/08/2014	12.000.000.000
		Lãi cho vay	648.666.667
Lê Như Na	Cổ đông	Cho vay vốn theo quyết định số 08/2014/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2014	11.500.000.000
		Cho vay vốn theo hợp đồng số 20/2014/HĐVM-AMD ngày 06/08/2014	15.000.000.000
		Lãi cho vay	693.000.000
Nguyễn Hồng Minh	Cổ đông	Cho vay vốn theo quyết định số 08/2014/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2014	8.800.000.000
		Cho vay vốn theo hợp đồng số 22/2014/HĐVM-AMD ngày 16/09/2014	15.000.000.000
		Cho vay vốn theo hợp đồng số 25/2014/HĐVM-AMD ngày 12/12/2014	25.000.000.000
		Lãi cho vay	814.400.000
Nguyễn Minh Phương	Cổ đông	Cho vay vốn theo quyết định số 08/2014/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2014	14.000.000.000
		Lãi cho vay	392.000.000
Nguyễn Thị Hằng	Cổ đông	Cho vay vốn theo quyết định số 08/2014/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2014	12.000.000.000
		Cho vay vốn theo hợp đồng số 23/2014/HĐVM-AMD ngày 17/09/2014	12.000.000.000
		Lãi cho vay	688.800.000

		Cho vay vốn theo hợp đồng số	
Nguyễn Thị Thanh	Cổ đông	21/2014/HĐVM-AMD ngày 01/08/2014	8.500.000.000
		Lãi cho vay	717.966.667
<i>(ii) Giao dịch mua bán hàng hóa, chuyển nhượng cổ phần:</i>			
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Công ty CP vật tư và thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	Công ty con	Bán hàng hóa	6.589.829.120
Dương Thị Bích Hạnh	Vợ ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HĐQT	Mua cổ phần Công ty CP Decohouse	50.000.000.000
Nguyễn Đăng Tâm	Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ AMD group	Bán cổ phần Công ty CP Decohouse	17.000.000.000
Công ty CP Decohouse	Công ty liên kết	Vay vốn kinh doanh	17.500.000.000
Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.373.500.000
Ông Nguyễn Văn Hương	Cổ đông	Mua cổ phần Công ty Cp Pink House VN	5.700.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai	Em gái ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HĐQT	Mua cổ phần Công ty Cp Pink House VN	5.700.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Diệp	Em gái ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HĐQT	Mua cổ phần Công ty Cp Pink House VN	2.850.000.000
Ông Nguyễn Đăng Tâm	Phó Tổng Giám đốc Công ty	Mua cổ phần Công ty CP Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật Acetech	3.700.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoàng	Cổ đông	Mua cổ phần Công ty CP Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật Acetech	2.800.000.000

(iii) Vay ngắn hạn

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư 31/12/2014
Công ty CP Decohouse	Công ty liên kết	Vay vốn kinh doanh	17.500.000.000

(iiii) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư 31/12/2014
Nguyễn Hồng Minh	Cổ đông	Cho vay vốn	20.478.004.000
Nguyễn Thị Thanh	Cổ đông	Cho vay vốn	8.500.000.000
Nguyễn Đức Giang	Cổ đông	Cho vay vốn	26.600.000.000

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group đã được Công ty TNHH Kiểm toán ASC kiểm toán.

Người lập biểu



Vương Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Chi

